

Bản án số: 14/2025/KDTM-ST

Ngày: 10/6/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Đông Nguyệt và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Thục Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2025/TLST - KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc *“tranh chấp Hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST - KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M; Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà C; Địa chỉ: số 219 phố T, phường Y, quận G, thành phố H; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông H - Tổng Giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Ngọc D - Trưởng phòng Xử lý nợ miền Nam (*Văn bản ủy quyền số 06/2024/UQ-TGD ngày 11/07/2024*); Ông Võ Ngọc D ủy quyền lại cho ông Lê Đình H - Chuyên viên xử lý nợ (*Văn bản ủy quyền số 17211/2024/UQ-XLN-J ngày 21/11/2024*). Ông H có mặt tại phiên tòa.

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần V; Địa chỉ: 89 L, phường H, quận Đ, thành phố H; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Thành T - Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý (*Văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024*); Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho ông Lê Đình H - Chuyên viên xử lý nợ (*Văn bản ủy quyền số 15742/2024/UQ-PN*). Ông Huỳnh có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Trần N, sinh năm 1984 và bà Trần L, sinh năm 1988; Nơi ĐKTT và chỗ ở: 145 Nguyễn Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh P. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V đều do ông Lê Đình H - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày được tóm tắt như sau:*

Ngày 23/11/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với vợ chồng ông Trần N và bà Trần L có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 10079471, theo đó Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho vợ chồng ông N và bà L số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyển nông sản, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 7,49%/năm, cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông N, bà L theo Khế ước nhận nợ ngày 23/11/2023.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng ông N và bà L đã thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc số thửa 163, tờ bản đồ số 55 (đo đạc năm 2010), địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 118808 số vào sổ cấp GCN: CS 01607 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 05/03/2018 cho ông Dương Văn K, bà Nguyễn Thị M, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuy Hoà đăng ký biến động sang tên ngày 19/4/2021 cho ông Trần N và bà L theo Hợp đồng thế chấp số 02677 ngày 31/5/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 21/11/2023, là đã đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 15/04/2024 Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 30/10/2024, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với Công ty Cổ phần M có ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB- J và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB-J ký hiệu:116/PL01/HD11/2024/VPB-JPT, theo đó Ngân hàng bán cho Công ty Cổ phần M một phần khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, cụ thể như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10079471 ngày 23/11/2023 và Khế ước nhận nợ ngày 23/11/2023, cụ thể: Công ty Cổ phần M kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng trên và biện pháp bảo đảm kèm theo, trong đó có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời Ngân hàng tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty Cổ phần M.

Do vợ chồng ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ trả nợ, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu TAND thành phố Tuy Hoà giải quyết:

+ Buộc vợ chồng ông N và bà L phải trả nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 10/6/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V **tổng số tiền là 235.166.667 đồng, trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi là 35.166.667 đồng; Công ty Cổ phần M tổng số tiền là 2.116.500.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, nợ lãi 316.500.000 đồng.**

Kể từ ngày 11/6/2025 cho đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông N và bà L còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết tương

ứng với từng khoản nợ thuộc sở hữu của mỗi bên đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

+ Trường hợp, vợ chồng ông N và bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi khoản nợ, số tiền thu được từ tài sản đảm bảo được phân chia theo tỷ lệ dư nợ giữa Ngân hàng và Công ty.

** Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông N và bà L trả cho Công ty Cổ phần M tiền gốc 1.800.000.000 đồng, lãi suất theo hợp đồng cho vay và trả cho Ngân hàng TMCP V tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi suất theo hợp đồng cho vay. Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ, số tiền thu được từ tài sản đảm bảo được phân chia theo tỷ lệ dư nợ giữa Ngân hàng và Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

[2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn vợ chồng ông Trần N và bà Trần L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp tài sản, Hợp đồng mua bán nợ, Phụ lục hợp đồng cùng các tài liệu, chứng cứ khác tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

[3.1] Vợ chồng ông Trần N và bà Trần L có vay, được Ngân hàng Thương mại cổ phần V cấp tín dụng số tiền 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10079471 và Khế ước nhận nợ ngày 23/11/2023, thời hạn vay 12 tháng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyển nông sản, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 7,49%/năm, cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 30/10/2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần V bán cho Công ty Cổ

phần M một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, còn 10% khoản nợ còn lại vẫn thuộc sở hữu của bên bán Ngân hàng theo Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB- J ngày 30/10/2024 và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB-J ký hiệu: 116/PL01/HD11/2024/VPB-JPT ngày 30/10/2024, cụ thể: Công ty Cổ phần M kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng trên và biện pháp bảo đảm kèm theo, trong đó có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty Cổ phần M.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N, bà L không trả nợ lãi kể từ ngày 15/4/2024 và không trả nợ gốc khi đến hạn, đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay.

Tính đến hết ngày 10/06/2025, vợ chồng ông N và bà L còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 10/6/2025 là 235.166.667 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 35.166.667 đồng; nợ Công ty Cổ phần M là 2.116.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.800.000.000 đồng, tiền lãi 316.500.000 đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N và bà T trả nợ vay tín dụng tính đến hết ngày 10/6/2025 với tổng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày 11/6/2025 cho đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông N và bà L còn phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với từng khoản nợ thuộc sở hữu của mỗi bên đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

[3.2] Để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10079471 ngày 23/11/2023, vợ chồng ông N và bà L đã thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc số thửa 163, tờ bản đồ số 55 (đo đạc năm 2010), địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 118808 số vào sổ cấp GCN: CS 01607 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 05/03/2018 cho ông Dương Văn K, bà Nguyễn Thị M, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuy Hoà đăng ký biến động sang tên ngày 19/4/2021 cho ông Trần N và bà Trần L theo Hợp đồng thế chấp số 02677 ngày 31/5/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 21/11/2023 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp trên là biện pháp bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên vay với Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Hợp đồng thế chấp được đăng ký bảo đảm theo quy định. Tuy nhiên, tại Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB- JUPITER ngày 30/10/2024, Ngân hàng và Công ty thỏa thuận cụ thể tại điểm c mục 2 Điều 1: “Bên mua nợ trở thành bên nhận bảo đảm cùng bên bán nợ với các tài sản đảm bảo, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán, theo đó bên mua nợ cùng được hưởng các quyền và lợi ích gắn liền với các tài sản đảm bảo, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán như bên bán nợ” và tại Điều 4: Các bên thống nhất rằng trong trường hợp tài sản bảo đảm được xử lý thì số tiền thu được từ xử lý tài sản

đảm bảo sẽ được phân chia theo tỷ lệ dư nợ.

Do đó, trường hợp bị đơn vợ chồng ông N và bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M được quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc số thửa 163, tờ bản đồ số 55 (đo đạc năm 2010), địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 118808 số vào sổ cấp GCN: CS 01607 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 05/03/2018 cho ông Dương Văn K, bà Nguyễn Thị M, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuy Hoà đăng ký biến động sang tên ngày 19/4/2021 cho ông Trần N và bà Trần L, nhưng *số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo sẽ được phân chia theo tỷ lệ dư nợ giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB- J ngày 30/10/2024 và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB-J ký hiệu: 116/PL01/HD11/2024/VPB-JPT ngày 30/10/2024.*

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng. Nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp tạm ứng 1.500.000 đồng nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty số tiền trên.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Căn cứ các điều 317, 318, 319, 323, 365, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

+ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Vợ chồng ông Trần N và bà Trần L phải trả cho nguyên đơn **Công ty Cổ phần M và** Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền vay còn nợ **tính đến hết ngày 10/6/2025** của Hợp đồng cho vay hạn mức số 10079471 ngày 23/11/2023, Khế ước nhận nợ ngày 23/11/2023, Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB-JUPITER ký hiệu: 116/PL01/HD11/2024/VPB-JPT ngày 30/10/2024 và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB-JUPITER ký hiệu: 116/PL01/HD11/2024/VPB-JPT ngày 30/10/2024 là: 2.351.666.667 đồng (*Hai tỷ ba trăm năm mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó tiền gốc 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), tiền lãi 351.666.667 đồng (*Ba trăm năm mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Cụ thể:

[1.1] Vợ chồng ông Trần N và bà Trần L phải trả số tiền vay còn nợ cho nguyên đơn Công ty Cổ phần M tính đến hết ngày 10/6/2025 là 2.116.500.000 đồng (*Hai tỷ một trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*), tiền lãi 316.500.000 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

[1.2] Vợ chồng ông Trần N và bà Trần L phải trả số tiền vay còn nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V tính đến hết ngày 10/6/2025 là: 235.166.667 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 35.166.667 đồng (*Ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày 11/6/2025 cho đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông N và bà L còn phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng cho vay hạn mức số 10079471 ngày 23/11/2023 tương ứng với từng khoản nợ thuộc sở hữu của mỗi bên đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

[2] Trường hợp bị đơn vợ chồng ông Trần N và bà Trần L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo yêu cầu thì nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc số thửa 163, tờ bản đồ số 55 (*đo đạc năm 2010*), địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 118808 số vào sổ cấp GCN: CS 01607 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 05/03/2018 cho ông Dương Văn K, bà Nguyễn Thị M, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuy Hoà đăng ký biến động sang tên ngày 19/4/2021 cho ông Trần N và bà Trần L, nhưng *số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo sẽ được phân chia theo tỷ lệ dư nợ giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng thế chấp số 02677 ngày 31/5/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHD ngày 21/11/2023, Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB- JUPITER ngày 30/10/2024 và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 11/2024/VPB-JUPITER ký hiệu: 116/PL01/HD11/2024/VPB - JUPITER ký hiệu: 116/PL01/HD11/2024/VPB-JPT ngày 30/10/2024.*

[4] **Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Bị đơn vợ chồng ông Trần N và bà Trần L phải nộp 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm triệu đồng*) nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm triệu đồng*) cho nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

[5] **Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

Bị đơn vợ chồng ông Trần N và bà Trần L phải nộp 79.033.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.525.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005746 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Đông Nguyệt Huỳnh Khắc Hiếu

Lê Xuân Thu